TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Nghị.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê X Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1972, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1971, (Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn SĐ, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh X kết hôn vào vào năm 1991,

trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh X được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất vào ngày 06 tháng 12 năm 2017 nên chị đã về gia đình anh em chị ở thôn Làng Chùa, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, chị về ở với vợ chồng anh Nguyễn Văn H (Là con đẻ, con dâu của của chị và anh X) ở thôn SĐ, xã KL, huyện TD. Vợ chồng đã nhiều lần ly thân, vợ chồng ly thân từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh X nghi ngờ chị có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh X đã nhiều lần xúc phạm chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân. Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng còn bất đồng về quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày. Anh đã nhiều lần dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định tình vợ chồng vẫn còn, vì con chung, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Chị T và anh X xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1993 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 31 tháng 3 năm 1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh X xác nhận vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp IV lợp ngói có diện tích 40m^2 được xây dựng vào năm 1998, 03 gian chuồng trại chăn nuôi, 02 gian bếp có tổng diện tích khoảng 50m^2 đã xuống cấp. Các công trình trên được xây dựng trên diện tích 700m^2 đất (Trong đó có 300m^2 đất ở và 400m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ ở thôn SĐ, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn X vào năm 1993. Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Toàn bộ tài sản trên hiện do vợ chồng đang quản lý. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị T và anh X xác nhận vợ chồng không có tài sản riêng.

Về công nợ: Chị T và anh X xác nhận vợ chồng không cho ai vay và nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị T và anh X xác nhận chị T có khoảng 01 năm ở chung với gia đình anh X nhưng thời gian này chị T không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Chị T và anh X xác nhận vợ chồng mỗi người được cấp 01 sào 02 thước đất canh tác ở xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện do vợ chồng đang quản lý. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn X. Về con chung, tài sản chung, công sức, đất canh tác: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản riêng, công nợ: Không có.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn X là hợp pháp. Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ghen tuông, nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ

nam nữ bất chính với người khác, dẫn đến không tôn trọng, quan tâm gì đến nhau vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T nhiều lần về nhà anh, em chị và nhà của vợ chồng con trai chị ở. Vợ chồng anh, chị đã nhiều lần ly thân. Anh X đã nhiều lần dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Còn anh X yêu cầu xin được đoàn tụ nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh X xin được đoàn tụ là không có cơ sở. Chị T xin ly hôn anh X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, công sức, đất canh tác: Chị T và anh X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản riêng, công nợ: Không có.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung, tài sản chung, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng, công nợ: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0000878 ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã KL, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Tiến Dũng